TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ

số tháng 2/2023

MỤC LỤC

PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI 1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 01/2023 1
1.1. Tổng quan chung 1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới 1
2. Dự báo tăng trưởng 4

PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM 5
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 01/2023 5
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội 5
1.1.1. Sản xuất công nghiệp 5
1.1.2. Xuất nhập khẩu 6
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp 6
1.1.4. Hoạt động đầu tư 7
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng 7
1.2. Thị trường tài chính – tiền tệ 8
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng 8
1.2.2. Tỷ giá 8
1.2.3. Chứng khoán 8
1.2.4. Lạm phát 9
2. Dự báo kinh tế Việt Nam 10
2.1. Về chủ trương, chính sách 10
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam 10

PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO 12
1. Thị trường dầu thô 12
2. Thị trường khí 15
3. Thị trường phân bón 17
4. Thị trường điện 19

PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 21

Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 1 năm 2023 25

PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 01/2023

1.1. Tổng quan chung

Thế giới vẫn đang đối mặt với những hậu quả từ cuộc xung đột ở Ukraine - sự kiện đã gây sự gián đoạn đáng kể, khiến thị trường lương thực và năng lượng trở nên bất ổn, đồng thời khiến giá cả hàng hóa tăng vọt sau đại dịch Covid-19.

Cùng với đó, căng thẳng giữa Mỹ và Trung Quốc được dự đoán sẽ trở nên sâu sắc hơn, tác động mạnh đến nền kinh tế thế giới. Hiện nay, Mỹ mong muốn giảm phụ thuộc vào Trung Quốc về hạ tầng viễn thông, sản xuất bán dẫn và nhiều lĩnh vực gia công... Những mong muốn này dẫn tới hệ quả tất yếu là sự sắp xếp lại toàn diện chuỗi cung ứng, gây những bất ổn nhất thời trong hoạt động sản xuất trên toàn cầu.

Một thách thức khác trong năm 2023 là lãi suất cao kéo dài. Các đợt tăng mạnh lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) sẽ đẩy nền kinh tế lớn nhất thế giới vào suy thoái. Xu hướng này có thể đẩy nền kinh tế Mỹ nói riêng và nhiều nền kinh tế phụ thuộc khác vào cuộc suy thoái dài và sâu nếu không có sự chỉnh kịp thời.

Ngoài khó khăn mang tính chủ quan nêu trên, tác động từ biến đổi khí hậu tiếp tục là thách thức lớn, mang tới nhiều thiệt hại bởi thời tiết cực đoan, thiên tai, hạn hán, cháy rừng.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

- *Trung Quốc*

Sau 1.016 ngày đóng cửa với thế giới bên ngoài để thực hiện chiến lược chống dịch nghiêm ngặt, Trung Quốc đã chính thức mở cửa biên giới trở lại hôm 8/1 vừa qua.

Về mặt chính sách kinh tế, Trung Quốc đã có chuyển hướng mạnh mẽ: hỗ trợ tăng trưởng và giải cứu doanh nghiệp (đặc biệt là doanh nghiệp bất động sản). Để hỗ trợ kinh tế, Trung Quốc đã nới lỏng chính sách tiền tệ thông qua việc cắt tỷ lệ dự trữ bắt buộc 0,25 điểm phần trăm và kích thích thanh khoản cho thị trường ở quy mô 500 tỷ nhân dân tệ (72 tỷ đô la Mỹ) vào tháng 12/2022.

Ngày 29/1, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) cho biết sẽ triển khai một công cụ cho vay để hỗ trợ giảm phát thải khí carbon đến cuối năm 2024. Ngân hàng này còn gia hạn cho công cụ tái cho vay để thúc đẩy sử dụng than sạch cho đến cuối năm 2023. Đồng thời, gia hạn công cụ cho vay lại đối với lĩnh vực vận tải và logistics đến tháng 6/2023.

Nền kinh tế Trung Quốc đã cho thấy một số dấu hiệu cải thiện trong tháng đầu tiên của năm 2023, khi nước này đã vạch ra lộ trình tiến tới tháng thứ hai không còn hạn chế Covid-19, mặc dù nhiều hoạt động đã gián đoạn trong kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Cụ thể, hơn 300 triệu chuyến đi đã được thực hiện trong kỳ nghỉ Tết, đạt gần 90% so với mức trước đại dịch; Doanh thu nhà hàng tăng gần 25% trong thời gian diễn ra lễ hội so với cùng kỳ năm trước, trong khi các công ty bán lẻ và ăn uống lớn có doanh số bán hàng tăng gần 7% so với cùng kỳ năm ngoái; Sau khi mất đà vào tháng 12, chỉ số CSI 300 đã lấy lại lực kéo trong tháng này, tăng khoảng 8% trước tuần nghỉ lễ so với cuối tháng trước.

J.P. Morgan Asset Management và ***Morgan Stanley*** đều dự báo, ***GDP của Trung Quốc dự kiến sẽ tăng trưởng 5,4% trong cả năm 2023***, trong khi ***BNP Paribas*** kỳ vọng, mức tiêu dùng hộ gia đình ở Trung Quốc sẽ tăng khoảng 9%. Không chỉ tác động tới nền kinh tế trong nước, sự mở cửa trở lại của nền kinh tế Trung Quốc sẽ có ảnh hưởng lớn lên kinh tế toàn cầu, đặc biệt là các thị trường du lịch và hàng hóa.

- *Mỹ*

Trong khoảng thời gian đầu của năm nay, tốc độ suy giảm của kinh tế Mỹ chững lại trong tháng 1/2022. Đây là dấu hiệu cho thấy nền kinh tế Mỹ đang lập đáy và có thể sẽ sớm hồi phục trở lại khi lạm phát chững lại cũng như nhu cầu vững vàng. S&P Global công bố chỉ số sản xuất tại Mỹ, chỉ số theo dõi các hoạt động kinh doanh, trong tháng 1/2023 ở mức khoảng 46,6 điểm, tốc độ chững lại chậm hơn so với con số 45 điểm.

Sự giảm tốc của kinh tế Mỹ cũng là một hệ quả của việc Cục Dự trữ Liên bang (Fed), tức ngân hàng trung ương của nước này, tăng mạnh lãi suất trong năm 2022 để chống lạm phát.

Fed được dự báo sẽ tiếp tục giảm tốc độ tăng lãi suất trong cuộc họp chính sách tiền tệ định kỳ vào ngày 31/1-1/2. Thị trường đang đặt cược gần như chắc chắn vào khả năng Fed áp dụng bước nhảy lãi suất 0,25 điểm phần trăm trong lần họp này, sau khi giảm về 0,5 điểm phần trăm trong cuộc họp tháng 12 sau 4 lần liên tiếp áp dụng bước nhảy 0,75 điểm phần trăm.

Trong dự báo Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2023, ***IMF cho rằng mức tăng trưởng GDP của Mỹ có thể đạt 1,4%***, tăng từ mức dự báo 1,0% được đưa ra hồi tháng 10/2022.

- *EU*

Nền kinh tế Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) đã lần đầu tiên sau 6 tháng tăng trưởng trở lại trong tháng. Cụ thể, chỉ số Flash PMI (chỉ số dự báo trước chỉ số PMI - chỉ số nhà quản trị mua hàng) của Eurozone trong tháng 1 đã tăng lên 50,2 điểm so với 49,3 điểm trong tháng 12/2022. Chỉ số PMI ở mức trên 50 điểm biểu hiện sự tăng trưởng.

Nền kinh tế châu Âu đã được hưởng lợi từ lạm phát thấp hơn, chuỗi cung ứng được cải thiện và việc Trung Quốc mới đây mở cửa trở lại nền kinh tế, làm dấy lên tinh thần lạc quan cho năm 2023...

Đức - nền kinh tế lớn nhất trong Eurozone, cũng được hưởng lợi từ lực từ chuỗi cung ứng được nới lỏng, giúp ngành sản xuất của nước này. PMI tổng hợp tại Đức đã tăng từ 49 điểm trong tháng 12/2022 lên 49,7 điểm trong tháng 1. Tuy nhiên, sản lượng ở Pháp trong tháng 1 lại giảm trong tháng thứ 3 liên tiếp do hoạt động dịch vụ giảm mạnh.

Sản lượng của các nước thành viên còn lại trong Eurozone (gồm 20 quốc gia sau khi Croatia gia nhập vào tháng 1) cũng tăng trưởng trở lại. Tỷ lệ lạm phát tại khu vực này vẫn ở mức cao là 9,2%, song đã giảm trong 2 tháng liên tiếp nhờ tốc độ tăng giá năng lượng chậm lại.

Theo IMF, châu Âu có thể đạt mức tăng trưởng năm 2023 là 0,7%, so với mức dự báo 0,5% hồi tháng 10 năm ngoái.

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Với những bất ổn và rủi ro hiện hữu, dự báo kinh tế toàn cầu năm 2023 vẫn còn tiếp tục phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của chiến tranh, bệnh dịch kéo dài.

Triển vọng kinh tế là rất khó khăn, trên toàn cầu hoạt động của khu vực sản xuất bị thu hẹp, đáng chú ý là tình trạng của khu vực đồng tiền chung và nước Anh; hoạt động thương mại tiếp tục bị cản trở bởi ảnh hưởng của chiến tranh Nga – Ukraine và tình trạng mở cửa của kinh tế Trung quốc; áp lực lạm phát gia tăng; thị trường tài chính tiền tệ dễ biến động, an ninh lương thực và năng lượng có thể tiếp tục bị đe dọa...

Sang năm 2023, lạm phát được kỳ vọng có xu hướng hạ nhiệt hơn ở các nền kinh tế phát triển nhưng rủi ro lạm phát cao vẫn bao trùm khu vực châu Âu, đặc biệt là tại các nền kinh tế phụ thuộc nhập khẩu năng lượng như Đức, Ý, Tây Ban Nha và có thể sẽ phức tạp hơn tại các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Áp lực lạm phát vẫn tồn tại khi các nhân tố tác động làm tăng giá năng lượng, thực phẩm, sự ổn định của tỷ giá vẫn hiện hữu, cụ thể:

- *Chiến tranh kéo dài có thể làm gia tăng thêm xung đột địa chính trị.*
- *Ảnh hưởng bất thường của thiên nhiên do biến đổi khí hậu tiếp tục đe dọa đà phục hồi của chuỗi cung ứng lương thực, thực phẩm.*
- *NHTW tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ để kiểm soát lạm phát làm gia tăng chi phí vay vốn, giảm thu nhập khả dụng trong nền kinh tế.*

Dự báo của các tổ chức quốc tế thì lạm phát toàn cầu trong năm 2023 có thể dao động trong khoảng 4 – 6%.

Bên cạnh đó, rủi ro xuất hiện những bất ổn trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ còn rất lớn. Trong đó đáng chú ý là xu hướng tăng giá trở lại của đồng USD cùng với sự phân kỳ trong định hướng điều hành chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế lớn sẽ có ảnh hưởng mạnh mẽ tới thị trường ngoại hối, sự dịch chuyển của dòng vốn và trao đổi thương mại toàn cầu, làm trầm trọng hơn tình trạng nợ quốc gia tại nhiều nền kinh tế, tác động sẽ lớn hơn đối với các nền kinh tế mới nổi.

Kinh tế thế giới trong năm 2023 sẽ đối diện với nhiều khó khăn hơn. Nguyên nhân là ba nền kinh tế lớn gồm Mỹ, châu Âu và Trung Quốc – vốn là động lực chính của tăng trưởng, đều đang giảm tốc.

Đầu năm 2023, hầu hết các tổ chức quốc tế đều đánh giá tiêu cực về triển vọng kinh tế toàn cầu trong năm nay.

Ngày 31/1, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đã điều chỉnh theo hướng tăng nhẹ dự báo triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 do nhu cầu phục hồi tại Mỹ và châu Âu, chi phí năng lượng giảm và nền kinh tế Trung Quốc mở cửa trở lại sau khi dỡ bỏ các hạn chế về COVID-19. Theo đó, IMF ***dự báo tăng trưởng toàn cầu vẫn sẽ giảm từ mức 3,4% năm 2022 xuống 2,9% năm 2023***. Tuy nhiên, mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu mới nhất này đã cao hơn so với dự báo đưa ra hồi tháng 10/2022 là 2,7% với cảnh báo thế giới có nguy cơ dễ rơi vào suy thoái.

PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 01/2023

Tháng 01/2023 là tháng có Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán diễn ra trọn trong tháng nên số ngày làm việc ít hơn tháng trước và tháng 01/2022. Đồng thời yếu tố quốc tế cũng có nhiều trở ngại và thách thức. Vì vậy, tình hình kinh tế Việt Nam có nhiều gam màu xám hơn so với tháng trước và so với cùng kỳ.

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 01/2023 ước giảm 14,6% so với tháng trước và giảm 8% so với cùng kỳ năm trước.

CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

Đơn vị tính: %

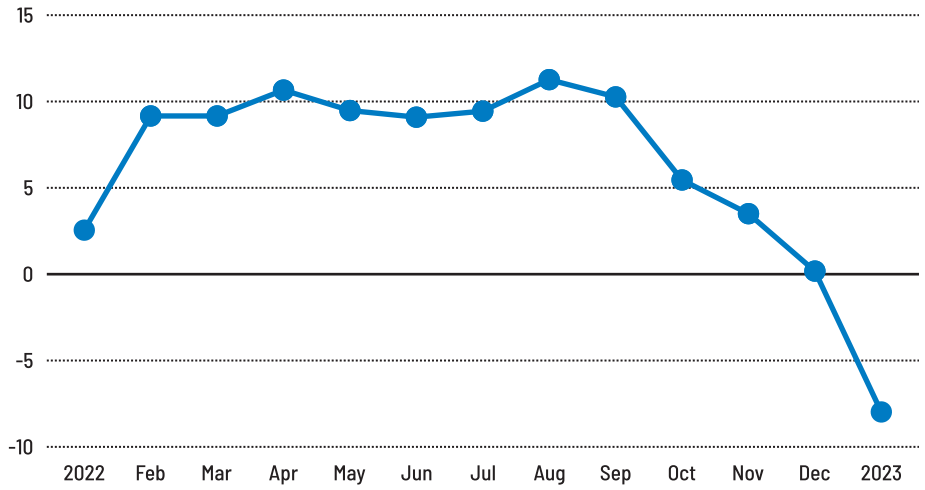

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong đó, so với cùng kỳ năm trước, ngành chế biến, chế tạo giảm 9,1%, làm giảm 7 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành khai khoáng giảm 4,9%, làm giảm 0,8 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện giảm 3,4%, làm giảm 0,3 điểm phần trăm; riêng ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,7%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 01/2023 so với cùng kỳ năm trước giảm ở 30 địa phương và tăng ở 33 địa phương trên phạm vi cả nước.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/01/2023 giảm 0,9% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 0,2% so với cùng thời điểm năm trước.

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2023, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 7,6 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 8,1 tỷ USD.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 01/2023 ước tính xuất siêu 3,6 tỷ USD. Trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 1,04 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 4,64 tỷ USD.

- ***Xuất khẩu hàng hóa***

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 01/2023 ước đạt 25,08 tỷ USD, giảm 13,6% so với tháng trước và giảm 21,3% so với cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu tháng 01/2023, nhóm hàng công nghiệp chế biến chiếm 89%.

- ***Nhập khẩu hàng hóa***

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2023 ước đạt 21,48 tỷ USD, giảm 21,3% so với tháng trước và giảm 28,9% so với cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu tháng 01/2023, nhóm hàng tư liệu sản xuất chiếm 93%.

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 01/2023, cả nước có 10,8 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, tăng 0,7% so với tháng trước và giảm 16,6% so với cùng kỳ năm trước; có 15,1 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 146,8% và giảm 21,2%, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động tháng 01/2023 lên 25,9 nghìn doanh nghiệp, giảm 19,3% so với cùng kỳ năm trước.

Cũng trong tháng 01/2023, có 34.994 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 19,6 % so với cùng kỳ năm 2022; có 6.841 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 3,4%; có 2.038 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 0,6%.

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 01/2023 ước đạt 27 nghìn tỷ đồng, bằng 4% kế hoạch năm và tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 4,4% và tăng 12,4%)

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/01/2023 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 1,69 tỷ USD, giảm 19,8% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam tháng 01/2023, ước tính đạt 1,35 tỷ USD, giảm 16,3% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong tháng 01/2023 có 3 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 126,6 triệu USD, gấp 2,9 lần so với cùng kỳ năm trước; có 01 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh thêm 140,4 triệu USD (cùng kỳ năm trước là -7,2 triệu USD).

Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm) đạt 126,7 triệu USD, gấp 3,4 lần so với cùng kỳ năm trước.

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01/2023 tăng 0,52% so với tháng trước và tăng 4,89% so với cùng kỳ năm 2022.

DIỄN BIẾN GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 01/2023
SO VỚI THÁNG TRƯỚC CỦA MỘT SỐ NHÓM HÀNG CHÍNH

Đơn vị tính: %

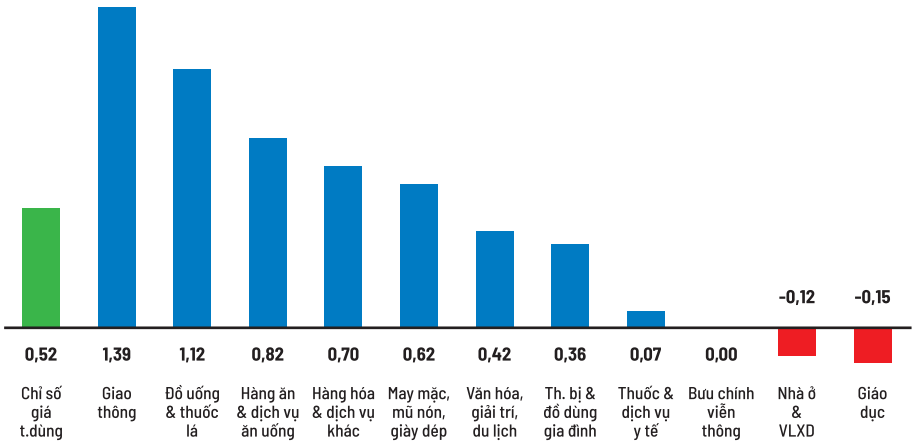

Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.2. Thị trường tài chính – tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Các chính sách ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ và NHNN sẽ tiếp tục được triển khai trong năm 2023 là yếu tố then chốt; các ngân hàng thương mại đang neo lãi suất ở mức cao khiến việc tiếp cận vốn vay trở nên khó khăn với những người có nhu cầu mua nhà, trong tình hình huy động vốn bằng trái phiếu của các doanh nghiệp không khả quan sẽ là những nguyên nhân làm chậm đà tăng trưởng tín dụng trong năm nay là.

Dự báo về tăng trưởng tín dụng năm 2023 trong toàn bộ nền kinh tế có thể sẽ đạt khoảng 12%.

1.2.2. Tỷ giá

Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 23.690 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 01/2023 giảm 2,05% so với tháng trước; tăng 3,18% so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm 2023, tỷ giá dự báo sẽ biến động trong biên độ hẹp 2%, nhờ nguồn cung ngoại tệ được dự báo tương đương mức đạt được trong năm 2022, khi hoạt động xuất khẩu bắt đầu chịu nhiều áp lực hơn và kỳ vọng dòng vốn FDI và kiều hối vẫn chảy đều về Việt Nam.

1.2.3. Chứng khoán

Mặc dù còn nhiều khó khăn trong năm 2022 nhưng những tín hiệu tích cực thị trường phát đi trong tuần giao dịch cuối cùng của năm cũ đem lại nhiều kỳ vọng cho một năm 2023 khởi sắc hơn, qua đó mang lại cho nhà đầu tư những cơ hội đầu tư mới.

Thị trường chứng khoán 2023 sẽ có hai diễn biến khác nhau. Theo đó, những tháng đầu năm, với định giá các tài sản đã quá hấp dẫn, thị trường có thể có một vài đợt tăng giá, song đà tăng không ổn định trong bối cảnh thanh khoản thấp khi áp lực lãi suất, tỷ giá và bài kiểm tra năng lực thanh toán cho trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn còn đó.

Tuy nhiên, từ giữa năm khi các triển vọng nới lỏng được hé mở, cũng như các khó khăn phần nào đã được phản ánh vào giá.

Đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp, khối lượng trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn trong năm 2023 vào khoảng trên 300.000 tỷ đồng, trong đó nhóm doanh nghiệp bất động sản và tài chính - ngân hàng chiếm lần lượt 30% và 40%.

1.2.4. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 01/2023 tăng 0,46% so với tháng trước, tăng 5,21% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản tăng 5,21% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức CPI bình quân chung (tăng 4,89%) chủ yếu do lạm phát cơ bản từ tháng 7/2022 đến tháng 12/2022 có mức tăng so với tháng trước cao hơn CPI chung do giá xăng dầu và giá dịch vụ giáo dục là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng CPI trong các tháng này thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

Lạm phát cơ bản tháng 01/2023 ở mức nền cao hơn CPI chung nên có mức tăng so với cùng kỳ năm trước cao hơn.

LẠM PHÁT CƠ BẢN THÁNG 1 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

Đơn vị tính: %

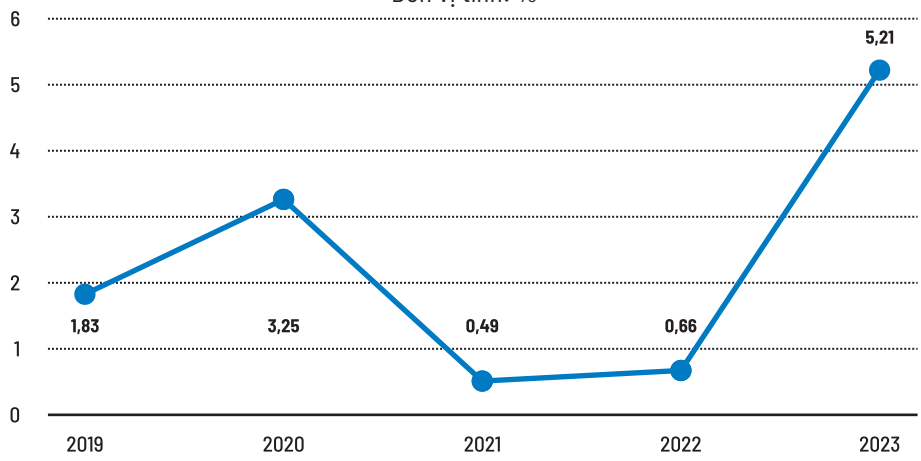

Nguồn: Tổng cục Thống kê

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

Tại Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 27/1/2023, Thủ tướng Chính phủ đã có yêu cầu Ngân hàng Nhà nước khuyến khích ***tổ chức tín dụng ổn định mặt bằng lãi suất***. Cụ thể, yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ động theo dõi sát tình hình, tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chắc chắn, chủ động, linh hoạt, hiệu quả; phối hợp chặt chẽ, hài hoà với chính sách tài khoá và các chính sách khác để giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

Chú trọng bảo đảm thanh khoản, an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng; bảo đảm tăng trưởng tín dụng hợp lý, hướng nguồn vốn tín dụng vào các động lực tăng trưởng, phát triển sản xuất, kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ.

Về phía ***Ngân hàng Nhà nước ngay trong những ngày đầu năm 2023 đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN*** về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành năm nay. Cụ thể, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục yêu cầu các ngân hàng tiếp tục thực hiện các giải pháp hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; cắt giảm chi phí hoạt động, khuyến khích trả cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, nâng cao năng lực tài chính và khả năng cấp tín dụng cho nền kinh tế, ổn định mặt bằng lãi suất thị trường.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Triển vọng kinh tế Việt Nam trong năm 2023 có thể chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố hơn:

- *Thứ nhất, khả năng kiểm soát sự lây lan của các biến thể virus corona và các dịch bệnh mới, qua đó tạo điều kiện cho hoạt động kinh tế.*

- *Thứ hai, mức độ thắt chặt tiền tệ ở các nền kinh tế chủ chốt nhằm xử lý áp lực lạm phát.*

- *Thứ ba, các nền kinh tế chủ chốt sẽ gia tăng cạnh tranh địa chính trị, xung đột Nga-Ukraine có thể kéo dài, nhưng giữa các nhóm nền kinh tế "cùng chí hướng" có thể sẽ gia tăng hợp tác trên nhiều lĩnh vực.*

- *Thứ tư, tiến độ thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội.*

- *Thứ năm, nếu duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, Việt Nam có thể tiếp tục cải cách và thúc đẩy các biện pháp tài khóa, tiền tệ giúp phục hồi tăng trưởng kinh tế.*

- *Thứ sáu, tăng trưởng kinh tế sẽ phụ thuộc đáng kể vào khả năng đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu, gắn với tận dụng cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và xử lý các rủi ro gắn với đối đầu thương mại-công nghệ giữa các siêu cường, xu hướng giảm giá của các đồng tiền ở khu vực so với USD.*

Năm 2023 được dự báo là năm có nhiều thách thức với nền kinh tế Việt Nam do tác động từ triển vọng u ám của kinh tế toàn cầu, cùng đa khủng hoảng. Tuy nhiên, vẫn có nhiều tín hiệu tích cực cùng sự nỗ lực chuẩn bị từ trước, kinh tế Việt Nam vẫn được kỳ vọng giữ đà tăng trưởng tốt so với các nền kinh tế khu vực, toàn cầu.

Báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu của ***Ngân hàng Thế giới (WB)*** mới công bố cho biết, năm 2023 là năm thứ hai nền kinh tế toàn cầu suy giảm nghiêm trọng, Việt Nam được dự báo tăng trưởng ở mức ***6,3%***.

PHẦN III

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

- *Cung, cầu dầu thô*

Trung Quốc mở cửa trở lại và cấp hạn ngạch nhập khẩu dầu cho các nhà máy lọc dầu tư nhân, cho phép 44 nhà máy lọc dầu tư nhân nhập khẩu 111,82 triệu tấn dầu thô.

Hiện tại, nhu cầu dầu toàn cầu vào khoảng 100 triệu thùng/ngày.

- *Biến động giá*

Thị trường xăng dầu thế giới từ giữa tháng 1 đến nay tăng giá mạnh do chịu ảnh hưởng từ các yếu tố, như Trung Quốc mở cửa trở lại nền kinh tế, tác động từ động thái áp giá trần dầu Nga của phương Tây và đồng USD yếu cộng với dự báo OPEC+ giữ nguyên việc cắt giảm sản lượng trong bối cảnh nhu cầu tăng...

GIÁ DẦU BRENT TỪ ĐẦU NĂM 2022 ĐẾN 27/01/2023

Đơn vị: USD/thùng

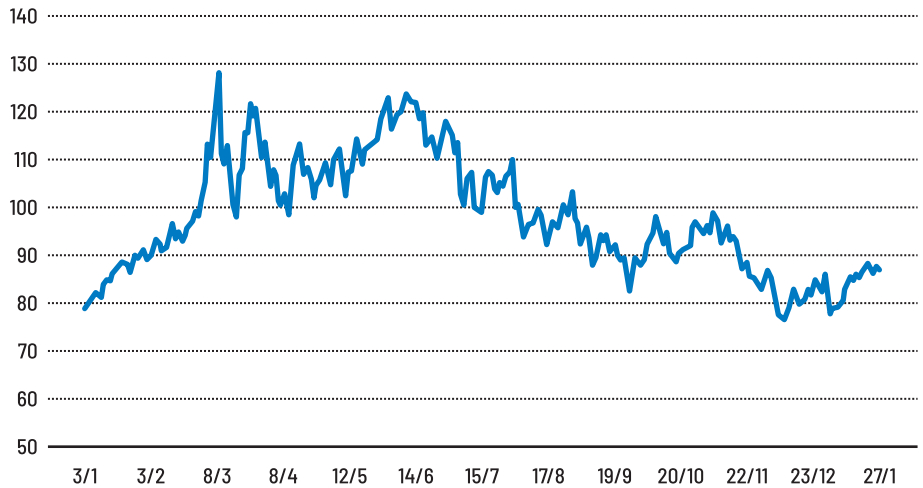

Nguồn: Investing.com

1.1.2. Thị trường trong nước

Bình quân giá thành phẩm xăng dầu thế giới tăng 7-11,5% từ ngày 11/1 đến 30/1. Chẳng hạn, mỗi thùng xăng RON 95 tăng hơn 11%, lên gần 102.27 USD; dầu diesel cũng tăng gần 7,8%, lên xấp xỉ 117 USD một thùng; hay dầu hoả là 117,7 USD một thùng, đắt thêm 7,3%.

DIỄN BIẾN GIÁ XĂNG DẦU TỪ THÁNG 8/2022 ĐẾN NAY

Đơn vị tính: Nghìn VNĐ/lít

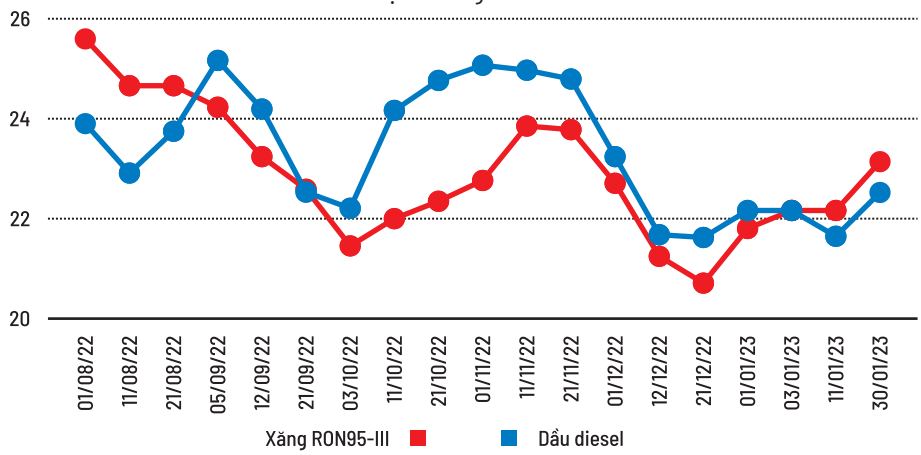

Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

- *Nguồn cung*

Nga tuyên bố ngừng xuất khẩu dầu mỏ sang bất kỳ quốc gia nào, thêm vào đó các nước OPEC đảm bảo thu nhập của họ thông qua giữ giá, tăng giá nên quyết định cắt giảm sản lượng. Động thái này dẫn tới sản lượng dầu toàn cầu được dự báo tăng trưởng thấp.

- *Tiêu thụ*

Trong Báo cáo Triển vọng dầu mỏ thế giới năm 2023 được công bố ngày 30/01, Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) đã nâng dự báo về nhu cầu dầu mỏ thế giới trong trung và dài hạn. Cụ thể, nhu cầu dầu mỏ của thế giới sẽ đạt 103 triệu thùng/ngày vào năm 2023 (tăng 2,7 triệu thùng/ngày so với năm 2022) và tăng 1,4 triệu thùng/ngày so với dự báo được đưa ra vào năm 2021.

Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cũng đã dự báo nhu cầu dầu toàn cầu sẽ tăng lên mức cao nhất mọi thời đại là 101,7 triệu thùng/ngày trong năm nay do Trung Quốc mở cửa trở lại.

- *Biến động giá*

Goldman Sachs dự báo ***giá dầu Brent sẽ tăng lên 100 USD/thùng*** trước quý III/2023 khi nền kinh tế Trung Quốc mở cửa trở lại trùng với thời điểm OPEC có thêm quyền định giá để siết chặt nguồn cung.

1.2.2. Thị trường trong nước

Năm 2023 dự báo nguồn cung và giá dầu sẽ ổn định hơn là tiền đề giúp các doanh nghiệp phân phối xăng dầu phục hồi mạnh từ mức nền thấp của năm 2022 song ngược lại có thể khiến lợi nhuận doanh nghiệp lọc dầu giảm đáng kể.

Vừa qua, Chính phủ đã ban hành cơ chế để PVN xử lý vấn đề tài chính đối với Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSR). Đây sẽ là tiền đề để NSR hoạt động ổn định trong những năm tới, giúp tăng tỷ trọng nguồn cung nội địa và giảm áp lực chi phí nhập khẩu cho các doanh nghiệp phân phối.

Các chi phí định mức cấu thành giá cơ sở xăng dầu đã được cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh tăng trong tháng 10 và 11. Sự điều chỉnh này sẽ phản ánh sát hơn diễn biến thị trường, giảm bớt áp lực cho các thương nhân kinh doanh xăng dầu.

Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu của Việt Nam được dự báo sẽ đạt tốc độ tăng trưởng kép là 5,5 % trong giai đoạn 2022 – 2030 là cơ sở để các doanh nghiệp phân phối tăng trưởng trong những năm 2023.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Giá gas thế giới bình quân tháng 01/2023 chốt hợp đồng ở mức 597,5 USD/tấn, giảm 52,5 USD/tấn so với tháng 12/2022.

Với nhiệt độ ôn hòa, nguồn cung khí tự nhiên hóa lỏng tăng lên và lượng dự trữ khí đốt trên mức trung bình đã giúp các quốc gia châu Âu, đặc biệt là Đức ngăn chặn được một cuộc khủng hoảng năng lượng trong mùa đông này.

Có khá nhiều tín hiệu tốt tại Châu Âu gồm: Chỉ số giá khí đốt giao ngay tiêu chuẩn của Châu Âu (Dutch TTF NatGas) giảm tới 5% xuống còn 55 Euro/MWh, mức thấp nhất kể từ cuối năm 2021. Mức giá này đã giảm hơn 83% kể từ tháng 8/2022 - thời điểm giá khí đốt ở châu Âu đạt kỷ lục 342 Euro/megawatt giờ. Điều này cũng có nghĩa, mức giá thấp hơn cả trước khi xảy ra chiến tranh giữa Nga và Ukraine.

Đầu tháng 01/2023, Liên minh châu Âu (EU) đã xoay sở để thay thế 80% lượng khí đốt do Nga cung cấp thông qua đường ống bằng cách giảm nhu cầu từ các nước thành viên và tăng nguồn cung khí đốt tự nhiên hóa lỏng từ Mỹ

Tính đến ngày 28/1, lượng khí đốt dự trữ tại các cơ sở lưu trữ ngầm của châu Âu (UGS) được lấp đầy 74,5%, chứa tổng cộng 81,2 tỷ m3 khí đốt.

2.1.2. Thị trường trong nước

Giá gas trong nước giảm mạnh là do giá gas thế giới hạ nhanh. Từ ngày 01/01/2023, giá gas bán lẻ quay đầu giảm mạnh. Mỗi bình gas loại 12kg đến tay người tiêu dùng giảm trung bình 14.000 - 23.000 đồng, loại 45kg giảm hơn 50.000 đồng/bình, tùy thương hiệu.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Các vấn đề về nguồn cung sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến thị trường khí đốt châu Âu trong năm 2023 này do nguồn cung từ Nga đang giảm sút nghiêm trọng và xu hướng giảm giá năng lượng hiện nay sẽ không kéo dài.

Vào năm 2023, châu Âu sẽ lại phải ồ ạt nhập khẩu LNG và cần phải nhập khẩu nhiều hơn năm 2022, nhưng do châu Âu sẽ nhận được ít khí đốt của Nga hơn so với năm 2022, cho nên, tình hình sẽ lại căng thẳng.

Châu Âu đã phải trả nhiều tiền hơn và do các dự án sản xuất LNG của Mỹ và Qatar chỉ đi vào hoạt động trong vài năm nữa, cho nên thị trường sẽ không giảm căng thẳng trước năm 2025 - 2026.

2.2.2. Thị trường trong nước

Năm 2023, giá khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) tăng đột biến do các nước châu Âu tăng cường nhập khí từ các nước để bổ sung sản lượng thiếu hụt do lệnh hạn chế nhập khí từ Nga.

Nguồn khí trong nước bước vào giai đoạn suy giảm nhanh, đặc biệt nguồn khí giá rẻ từ hệ thống Nam Côn Sơn 1, thay thế vào đó là nguồn khí có giá cao (Thiên Ưng, Đại Hùng, SV-ĐN, PM3 Cà Mau) chiếm tỷ trọng lớn.

Nhu cầu khí tự nhiên cho công nghiệp và phát điện còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định gây khó khăn cho việc xác định khối lượng LNG nhập khẩu trong ngắn và trung hạn.

Thị trường kinh doanh khí hóa lỏng (LPG) có sự cạnh tranh khốc liệt về nguồn cung; giá LPG biến động thất thường khó dự đoán, rủi ro kinh doanh liên quan đến giá khá cao.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Việc giá khí tự nhiên hạ nhiệt đã giúp khôi phục sản xuất các ngành này tại châu Âu. Theo đó, Yara, một trong những nhà sản xuất phân bón và hóa chất lớn nhất thế giới, đã quay trở lại sản xuất amoniac với công suất khoảng 65% vào tháng 11.

Năm 2022, Nga và Trung Quốc đều áp dụng hạn ngạch xuất khẩu phân bón khiến nguồn cung khan hiếm. Tuy nhiên, có một số tín hiệu cho thấy hai quốc gia này sẽ dỡ bỏ những biện pháp hạn chế xuất khẩu của mình.

Nga đã cung cấp một hạn ngạch cao hơn cho xuất khẩu các sản phẩm phân bón trong 5T2023 so với cùng kỳ trong khi Trung Quốc đã đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu phân bón vào những tháng cuối của 2022.

3.1.2. Thị trường trong nước

GIÁ URE TẠI VIỆT NAM
HẦU HẾT ĐỀU ĐÃ GIẢM XUỐNG DƯỚI MỨC 12.000 ĐỒNG/KG

Đơn vị tính: Nghìn VNĐ/kg

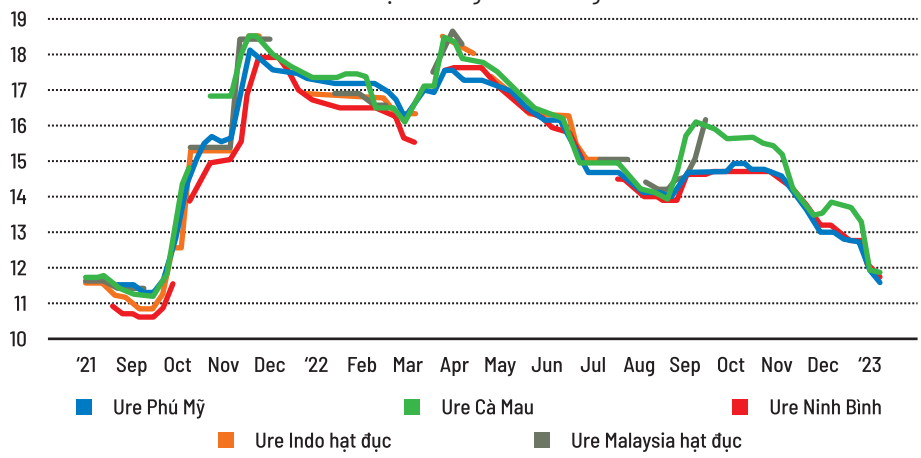

Nguồn: AgroMonitor

3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Sang năm 2023, giá ure sẽ có xu hướng hạ nhiệt khi giá thành sản xuất giảm và nguồn cung trên thế giới được gia tăng. Giá ure trong năm 2023 được dự báo quanh mức 400 USD/tấn – 500 USD/tấn so với mức đỉnh hơn 1.000 USD/tấn trong năm 2022.

Dự báo về cung - cầu và giá phân bón năm 2023, do cuộc xung đột Nga - Ukraine chưa có dấu hiệu chấm dứt, Hiệp hội Phân bón quốc tế (IFA) đã đưa ra 3 kịch bản để phản ánh sự không chắc chắn trong thị trường phân bón: Kịch bản bi quan, nhu cầu phân bón toàn cầu sẽ giảm vào năm 2023 và đạt 194,6 triệu tấn vào năm 2026, nghĩa là nhiều hơn 2 triệu tấn so với năm 2019, nhưng thấp hơn 9 triệu tấn so với mức năm 2020. Kịch bản trung bình, nhu cầu phân bón thế giới ở mức 202,1 triệu tấn vào năm 2026. Kịch bản lạc quan, nhu cầu phân bón toàn cầu sẽ đạt 211,1 triệu tấn vào năm 2026. Ở các kịch bản, đều có rất ít khả năng giá phân bón sẽ giảm xuống thấp hơn vào năm 2023.

3.2.2. Thị trường trong nước

Dư địa cho xuất khẩu ngành phân bón vẫn còn khá lớn khi công suất thiết kế của các nhà máy trong nước đạt 30 triệu tấn, trong khi nhu cầu trong nước chỉ khoảng 11 triệu tấn. Trong 30 triệu tấn phân bón có những loại đã dư thừa sẽ tiếp tục dư thừa, có những loại cần tiếp tục sản xuất để phục vụ nhu cầu phát triển xanh, sạch, bền vững. Sản lượng dư thừa rất cần khuyến khích xuất khẩu để phát huy khả năng của các doanh nghiệp.

Năm 2023 các yếu tố thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu có thể không bằng năm 2022, đặc biệt khi Trung Quốc mở cửa thị trường hậu COVID-19.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Do tác động của đại dịch Covid-19, sự đứt gãy chuỗi cung ứng, xung đột địa chính trị ở một số khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, đặc biệt là cuộc xung đột Nga – Ukraine đã khiến giá năng lượng như than, dầu, khí tăng lên rất cao. Nhiều quốc gia trên thế giới đã rơi vào cảnh thiếu điện, khí đốt; giá điện tăng cao khiến Chính phủ nhiều nước phải kêu gọi sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Các mức giá điện này tại hầu hết quốc gia châu Âu tăng 40-50% so với đầu năm.

GIÁ ĐIỆN TẠI CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

Đơn vị tính: VNĐ/kWh (quy đổi theo tỷ giá)

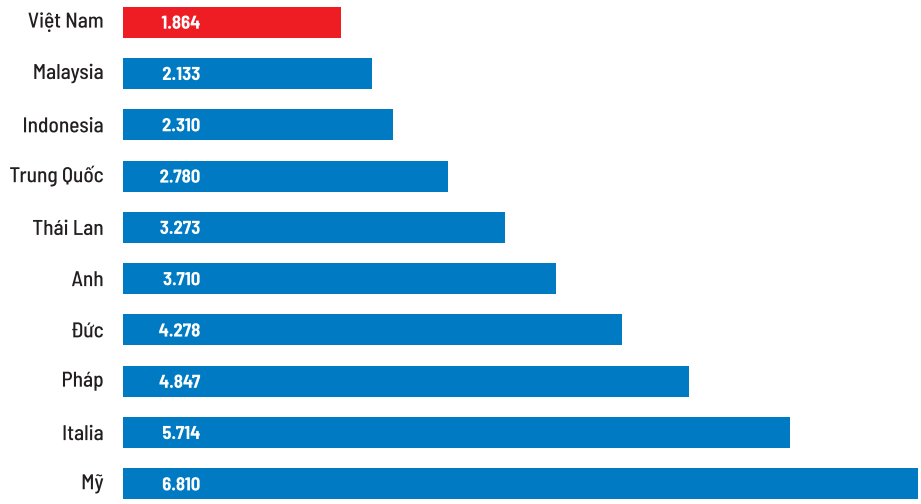

Nguồn: EVN

4.1.2. Thị trường trong nước

Ngành sản xuất và phân phối điện trong tháng đầu tiên của năm 2023 đã có mức sụt giảm khá mạnh, giảm 3,4%.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Năm 2023 dự kiến giá nhiên liệu (than, dầu, khí) trên thế giới vẫn đang ở mức cao theo các nguồn dự báo, tỷ giá ngoại tệ USD liên tục tăng trong thời gian qua. Đồng thời tỷ trọng các nguồn điện có giá thành rẻ (như thủy điện) có xu hướng giảm và tăng tỷ trọng các nguồn điện có giá bán cao.

4.2.2. Thị trường trong nước

Trong năm 2023, dự báo sản lượng điện thương phẩm sẽ đạt khoảng 251,28 tỷ kWh, tăng khoảng 9 tỷ kWh so với năm 2022. Điều này đặt ra nhiều thách thức trong công tác bảo đảm vận hành, cung ứng điện.

Hiện đã có 108 nhà máy điện tham gia chào giá trên thị trường cạnh tranh. Sản lượng mua bán điện thực tế của các nhà máy (theo hợp đồng mua bán điện, phương án giá điện) sẽ được xác định theo các quy định liên quan về giá điện và thị trường điện.

PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Sang năm 2023, dự báo biên lợi nhuận lọc dầu sẽ giảm nhưng vẫn sẽ duy trì ở mức cao so với trước khủng hoảng Nga – Ukraine do nhu cầu phục hồi sau đại dịch; thị trường dầu thô và xăng dầu thành phẩm tiếp tục thắt chặt do cuộc khủng hoảng Nga - Ukraine kéo dài, đặc biệt là ở châu Âu, và việc cắt giảm phát thải carbon sẽ làm hạn chế sự gia tăng công suất lọc dầu trong dài hạn.

NHỮNG SỰ KIỆN TOÀN CẦU ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ DẦU

	▪ SỰ KIỆN	▪ NHẬN ĐỊNH
NHU CẦU	Chính sách Zero – Covid của Trung Quốc.	Trung Quốc hiện là nước tiêu thụ dầu thô lớn thứ hai, chiếm khoảng 15% tổng nhu cầu cầu của thế giới. Bất kỳ lệnh phong tỏa mới nào của Trung Quốc sẽ đe dọa hy vọng mở của dần của nền kinh tế và sự phục hồi nhu cầu năng lượng.
	FED tăng lãi suất	Chính sách thắt chặt tiền tệ có thể đẩy nền kinh tế toàn cầu vào suy thoái, làm giảm nhu cầu tiêu thụ dầu thô. Bên cạnh đó, USD mạnh lên cũng tác động tiêu cực đến giá cả hàng hóa, bao gồm giá dầu.
NGUỒN CUNG	Thỏa thuận hạt nhân Iran. Giảm nhẹ cấm vận đối với Venezuela.	Thỏa thuận hạt nhân Iran có thể là giải pháp khả thi nhất để hạ nhiệt giá dầu trong ngắn hạn vì có thể kéo theo việc nhà xuất khẩu Iran quay trở lại thị trường với công suất bổ sung lên tới 1 triệu thùng/ngày.
	Sản lượng khai thác dầu thô của Mỹ tăng.	EIA dự báo sản lượng khai thác dầu khí của Mỹ sẽ đạt mức kỷ lục vào tháng 11, nhưng có những dấu hiệu cho thấy lạm phát có thể hạn chế sự tăng trưởng trong tương lai.
	Khủng hoảng Nga – Ukraine kéo dài.	Lệnh cấm vận của EU đối với nga có hiệu lực vào cuối năm 2022 sẽ khiến sản lượng dầu thô của Nga giảm hơn 1,5 triệu thùng/ngày trong năm 2023.
	Sự can thiệp của OPEC+ vào sự vận động của thị trường.	Thỏa thuận hạt nhân Iran có thể là giải pháp khả thi nhất để hạ nhiệt giá dầu trong ngắn hạn vì có thể kéo theo việc nhà xuất khẩu Iran quay trở lại thị trường với công suất bổ sung lên tới 1 triệu thùng/ngày.

Lãi suất cao hơn sẽ có tác động trái chiều đến các doanh nghiệp dầu khí trong thời gian tới, điều này phụ thuộc vào tình hình tài chính của mỗi doanh nghiệp. Theo đó, các doanh nghiệp có số dư tiền mặt ròng dồi dào và hệ số nợ/VCSH thấp như PVS, OIL, môi trường lãi suất tăng có thể sẽ mang lại lợi ích trong ngắn hạn, hỗ trợ cho kết quả kinh doanh. Ngược lại, một số doanh nghiệp có tỷ lệ đòn bẩy cao (như PVD, PVT và PVC) sẽ gặp khó khăn khi lãi suất tăng. Đặc biệt, PVD sẽ chịu áp lực lớn từ lãi suất tăng trong bối cảnh hoạt động kinh doanh cốt lõi phục hồi chậm.

Về rủi ro tỷ giá, hầu hết các sản phẩm của các doanh nghiệp dầu khí đều được tính theo đồng USD, doanh thu của các doanh nghiệp này sẽ tăng cùng chiều với đồng USD. Điều này có thể bù đắp cho các khoản lỗ tỷ giá do đánh giá lại khoản vay nợ bằng USD cho vốn lưu động. Do đó, có rất ít rủi ro cho việc đồng USD tăng giá đối với các doanh nghiệp như GAS, PVS và BSR.

Mặt khác, một số doanh nghiệp hạ nguồn như OIL sẽ đối mặt với rủi ro từ việc đồng USD mạnh lên do giá xăng dầu đầu vào được neo theo đồng USD trong khi giá bán sản phẩm tính theo đồng VND. Bên cạnh đó, các công ty có tỷ trọng nợ vay USD cao như PVD và PVT sẽ gặp rủi ro lỗ tỷ giá cao hơn các doanh nghiệp khác khi đồng USD tăng giá.

KHUYẾN NGHỊ

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đầy biến động, các doanh nghiệp thuộc PVN cần có những chiến lược tăng trưởng phù hợp để phát huy tiềm năng sức mạnh vượt trội, giữ vững hiệu quả tăng trưởng, uy tín và thương hiệu:

- *Thị trường xăng dầu sẽ tiếp tục diễn biến khó lường. PVN cần chuẩn bị nhiều kịch bản khác nhau để ứng phó trong mọi tình huống, tránh bị đồng, phòng rủi ro. Bởi giá xăng dầu tăng sẽ tác động đến hầu hết các ngành, lĩnh vực, vì đây là yếu tố đầu vào của sản xuất kinh doanh. Chủ động tăng cường phân tích, dự báo thị trường để đưa ra các quyết định kịp thời trong kinh doanh, phù hợp với diễn biến của thị trường, những biến động chính trị trên thế giới.*

- *Để kinh doanh ổn định và vững chắc trong thời bão giá, PVN cần phải tái định vị lại chuỗi giá trị của doanh nghiệp. Phân tích các yếu tố vĩ mô có thể ảnh hưởng đến giá thành sản xuất sản phẩm, xây dựng chính sách giá mới và đánh giá thường xuyên tâm lý khách hàng với chính sách mới là những bước mấu chốt của chiến lược giá thời kỳ lạm phát.*

- *Hạn chế thâm dụng vốn lưu động cũng là một chiến lược cần đề cao trong giai đoạn lạm phát. Khi lạm phát tăng cao, tiền bị mất giá, nên số lượng tiền mặt cần thiết cho các kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp cũng tăng lên, nhiều khi mức tăng là rất đáng kể. Vì vậy, doanh nghiệp cần chủ động đẩy nhanh vòng quay hàng tồn kho, hạn chế để tồn kho quá lâu, thâm dụng vốn lưu động.*

- *PVN nên hướng trọng tâm vào cơ cấu và hoàn thiện lại bộ máy cũng như con người. Tập trung vào phát triển sản phẩm, cả về chất lượng, mẫu mã và khả năng nhận diện thị trường của sản phẩm. Đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ thông tin, chuyển đổi số cũng sẽ giúp các doanh nghiệp có cơ hội mở rộng thị trường phát triển. Doanh nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sản phẩm, sẽ có sự thay đổi lớn từ phía cung hàng hóa thông qua việc tiết giảm chi phí và tăng năng suất lao động.*

- *Tận dụng hiệu quả Luật Dầu khí sửa đổi.*

- *Để đảm bảo nguồn cung với giá hợp lý, cần chú trọng tăng cường nghiên cứu, tìm kiếm các nguồn nhập khẩu mới bổ sung cho nguồn dầu khí thiếu hụt trong nước, tham gia đầu tư thượng nguồn khi có điều kiện và đảm bảo hiệu quả.*

- ***Đối với ngành khí:***

Cần tập trung bảo dưỡng sửa chữa, vận hành tối ưu các hệ thống khí; kiểm soát chặt chẽ toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh, đảm bảo hệ thống thiết bị luôn sẵn sàng cung cấp khí, sản phẩm khí tối đa cho các khách hàng.

- ***Đối với ngành phân bón:***

Cả Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo) và Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) đều có thương hiệu mạnh trên thị trường, do đó có tính cạnh tranh tốt, hiệu suất nhà máy hoạt động cao; Sản phẩm tạo ra luôn có tính cạnh tranh so với các thương hiệu phân ure trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, giá ure có thể tiếp tục neo ở mức cao so với lịch sử trong năm 2023, vì thế PVFCCo và PVCFC có thể sẽ tiếp tục hưởng lợi và trả cổ tức bằng tiền ở mức cao hấp dẫn để mua vào.

Doanh nghiệp sản xuất phân bón cần đầu tư tập trung, áp dụng công nghệ tiên tiến, cắt giảm chi phí sản xuất, tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hợp lý, đảm bảo yêu cầu cung cấp đủ phân bón cho bà con nông dân. Thêm vào đó, cần phát triển cân đối giữa phân bón hữu cơ và phân bón vô cơ vì đây là xu thế phát triển tất yếu, đáp ứng nhu cầu của người nông dân; hướng đến các mặt hàng chất lượng cao, an toàn sức khỏe, bảo vệ môi trường và tránh được giá phân bón hóa học đang ở mức cao.

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 1 NĂM 2023

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 1 2023	Tỷ lệ so sánh (%)	
				A	B
1	**Tăng trưởng GDP**		n/a	-	-
2	**Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)**		n/a	-	-
3	**Hoạt động của doanh nghiệp**				
3.1	Thành lập mới	DN	10.800	84,5	92
3.2	Quay lại hoạt động	DN	15.100	246,8	78,8
3.3	Rút lui khỏi thị trường				
	Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	*34.994*	-	*119,6*
	Chờ làm thủ tục giải thể	DN	*6.841*	-	*96,6*
	Hoàn tất giải thể	DN	*2.038*	-	*100,6*
4	**Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội**				
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	27	-	103,2
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	1,69	-	80,2
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	1,35	-	83,7
4.4	Đầu tư ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm)	Triệu USD	-	-	-
5	**Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa**				
5.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	25,08	86,4	78,7
5.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	21,48	78,7	71,1
5.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 3,6	-	-
6	**Chỉ số giá**				
6.1	Chỉ số giá tiêu dùng			100,55	-
6.2	Chỉ số giá vàng			100,51	103,57
6.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ			97,95	103,18
6.4	Lạm phát cơ bản			100,46	105,21

A: Tháng 1/2023 so với tháng 12/2022

B: Tháng 1/2023 so với tháng 1/2022

Ảnh bìa: Các đợt tăng mạnh lãi suất của FED do Jerome H. Powell lãnh đạo sẽ đẩy nền kinh tế lớn nhất thế giới vào suy thoái.

The New York Times/Haiyun Jiang

PETROVIETNAM

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện